

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML24B2
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lãnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
01	2455202050570	Phạm Thành	Công	30/11/2008	8.1	8.6	6.4	7.9	7.9	7.7	Khá
02	2455202050571	Huỳnh Anh	Duy	08/05/2009	4.0	3.1	2.9	7.9	0.0	4.1	Yếu
03	2455202050572	Nguyễn Thế	Duy	31/03/2009	3.5	3.9	3.2	3.1	0.0	1.9	Yếu
04	2455202050573	Lê Quốc	Đạt	13/03/2009	9.2	9.1	7.6	7.8	8.8	8.2	Giỏi
05	2455202050574	Trương Phạm Hải	Đăng	08/02/2009	9.3	9.0	6.6	7.9	8.5	7.9	Khá
06	2455202050575	Đỗ Quốc	Hào	13/09/2009	0.0	0.6	2.6	0.0	0.0	0.4	Yếu
07	2455202050576	Trần Nhật	Hào	25/10/2009	7.6	8.6	6.3	7.1	6.8	6.9	Trung bình
08	2455202050579	Nguyễn Đức	Huy	17/07/2009	9.5	9.8	7.2	7.0	8.9	7.8	Khá
09	2455202050580	Trịnh Quang	Huy	30/12/2009	8.6	9.1	7.2	7.2	7.9	7.5	Khá
10	2455202050581	Trần Minh	Khải	30/12/2009	0.0	7.4	5.0	0.0	0.0	0.8	Yếu
11	2455202050582	Lâm Thái	Khang	11/10/2009	3.2	3.5	3.2	2.7	0.0	1.7	Yếu
12	2455202050583	Nguyễn Trọng	Khuong	16/12/2009	6.4	8.1	6.6	6.3	6.0	6.2	Trung bình
13	2455202050584	Lê Trung	Kiên	03/04/2009	3.2	3.7	2.6	2.7	0.0	1.6	Yếu
14	2455202050585	Trịnh Anh	Kiệt	19/11/2009	9.5	9.2	7.0	7.9	8.5	8.0	Giỏi
15	2455202050586	Mo Ha Med Sa	Leh	18/08/2009	5.8	7.4	5.8	5.9	0.0	3.6	Yếu
16	2455202050587	Nguyễn Trọng	Lễ	23/02/2009	0.0	3.4	2.2	0.0	0.0	0.3	Yếu
17	2455202050588	Đoàn Quốc	Minh	24/11/2009	3.2	3.0	3.4	2.8	0.0	1.8	Yếu
18	2455202050589	Phạm Quốc	Minh	01/03/2009	8.4	7.2	7.2	7.5	6.6	7.1	Khá
19	2455202050590	Nguyễn Hòa	Nam	15/05/2009	7.8	7.7	6.1	7.3	8.2	7.5	Khá
20	2455202050591	Lê Thanh	Phú	27/07/2009	7.0	7.0	3.3	5.3	0.0	3.0	Yếu
21	2455202050592	Nguyễn Văn	Quý	19/02/2009	8.2	9.2	6.1	7.5	6.0	6.7	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lạnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
22	2455202050593	As Sa Na Quy	19/11/2008	8.2	9.0	6.0	6.3	2.7	4.9	Yếu
23	2455202050594	Nguyễn Huỳnh Duy Tân	10/08/2009	7.5	9.1	5.7	6.5	5.9	6.1	Trung bình
24	2455202050596	Nguyễn Hoàng Thiện	28/12/2009	3.2	3.0	3.4	3.1	0.0	2.0	Yếu
25	2455202050597	Trương Võ Thanh Thương	19/07/2009	8.9	8.4	7.6	7.3	6.1	6.9	Trung bình
26	2455202050599	Đinh Minh Triết	10/12/2009	6.2	9.1	6.0	3.1	0.0	2.4	Yếu
27	2455202050600	Sa Phi Y Dương Anh Tuấn	20/09/2008	6.0	9.2	6.9	6.9	5.8	6.5	Trung bình
28	2455202050601	Võ Anh Vinh	22/09/2009	8.9	8.5	8.0	8.9	8.3	8.5	Giỏi

Lưu ý : Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 11 tháng 8 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng
Trần Quốc Thái